

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Luân và ông Tống Xuân Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 9 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Dương Năng P**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Thôn A, xã T, tỉnh Hưng Yên (thôn A, xã H, huyện T, tỉnh Hưng Yên cũ).

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Dương Năng B và bà Lê Thị X; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 02; Vợ là chị Trần Thị N (đã ly hôn), chưa có con.

Tiền án: Bản án số 04/2014/HSST ngày 21/11/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tổng hợp với hình phạt 02 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 87/2014/HSST ngày 30/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên và 01 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” tại Bản án số 28/2014/HSST ngày 23/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm tù; chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/9/2018, thi hành xong án phí ngày 19/11/2014, 12/12/2014, 25/9/2015, chưa chấp hành xong bồi thường dân sự đối với những người bị hại.

Tiền sự: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 92/QĐXPHC ngày 10/7/2013 của Công an huyện T, tỉnh Hưng Yên xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “Cố ý gây thương tích”, chưa chấp hành xong.

Nhân thân: Bản án số 51/2010/HS-ST ngày 24/6/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/12/2010, thi hành xong án phí ngày 16/8/2010.

Bị tạm giữ từ ngày 19/3/2025 đến ngày 25/3/2025 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam khu vực V, Trại tạm giam số 02, Công an tỉnh H, trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trương Văn T**, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Hưng Yên (tổ dân phố T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình cũ); Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã T, tỉnh Hưng Yên (thôn P, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên cũ).

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Trương Văn T1 và bà Lê Thị M; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 02; Vợ là chị Lò Thị M1 (đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Quyết định số 288/QĐUB ngày 10/8/1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc đưa người vào cơ sở giáo dục, thời hạn 02 năm (chấp hành xong). Bản án số 40/2010/HSST ngày 11/11/2010 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/3/2012, thi hành xong án phí vào tháng 01/2011, chấp hành xong phần bồi thường xong dân sự. Bản án số 33/2014/HSST ngày 07/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/10/2014, thi hành xong án phí vào tháng 9/2014. Bản án số 20/2017/HSST ngày 24/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt chung của hai tội là 03 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/8/2019, thi hành xong án phí tháng 4/2017. Bản án số 59/2020/HSST ngày 16/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/5/2022, thi hành xong án phí tháng 9/2020.

Bị tạm giữ từ ngày 19/3/2025 đến ngày 25/3/2025 chuyển tạm giam; hiện đang bị tạm giam tại Phân Trại tạm giam khu vực H, Trại tạm giam số 02, Công an tỉnh H, trích xuất có mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng:

- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1996; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên (tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình cũ), vắng mặt.

- Anh Khúc Văn C, sinh năm 1997; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên (tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình cũ), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 19/3/2025, Trương Văn T đi nhờ xe của một người đàn ông không quen biết đến khu vực ngã ba Ba Hàng thuộc xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên (nay là xã T, tỉnh Hưng Yên) với mục đích mua ma túy về sử dụng. Khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, tại khu vực ngã Ba Hàng, T gặp bạn là Dương Năng P và đặt vấn đề muốn mua Heroine. P đồng ý bán cho T 05 túi ma túy đựng trong túi nilon trong suốt có viền dập, trên viền dập có đường kẻ ngang màu xanh với giá 1.500.000 đồng. T cầm 05 túi Heroine trong lòng bàn tay trái rồi đi nhờ xe của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ đi đến xã L, tỉnh Hưng Yên để tìm nơi sử dụng ma túy. Khi đi đến Quốc lộ C đoạn đường thuộc địa phận tổ dân phố Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên thì bị tổ công tác Công an tỉnh T (nay là tỉnh Hưng Yên) yêu cầu kiểm tra. Trước sự chứng kiến, làm chứng của anh Nguyễn Văn Đ và anh Khúc Văn C cùng đại diện chính quyền địa phương, T đã tự nguyện giao nộp từ lòng bàn tay trái 05 túi ma túy (qua giám định là Heroine có khối lượng 0,8288 gam). Tổ công tác đã đưa T cùng vật chứng và mời người làm chứng về trụ sở Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Hưng Yên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng để tiếp tục điều tra, làm rõ. Cùng ngày, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trương Văn T không thu giữ gì. Cơ quan điều tra đã triệu tập Dương Năng P để làm việc. Tại cơ quan Công an, Pháo thừa nhận ngày 19/3/2025 đã bán cho T 05 gói Heroin nêu trên với giá 1.500.000 đồng. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Dương Năng P không thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 262/KL-KTHS ngày 24/3/2025 của Phòng K Công an tỉnh T (nay là Công an tỉnh H) kết luận: “Mẫu vật gửi giám định là ma túy, loại Heroin (Heroine) có tên khoa học là D, được quy định tại Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất; có khối lượng 0,8288 gam. Heroin STT: 09, Danh mục IA phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ”.

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Trương Văn T và bị cáo Dương Năng P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSHH ngày 27/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đã truy tố bị cáo Trương Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và bị cáo Dương Năng P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trong bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

+ Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị cáo Dương Năng P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Văn T mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Năng P mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2025.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

+ Về vật chứng, tài sản quản lý: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 262/Kl-KTHS của Phòng K Công an tỉnh T (nay là Công an tỉnh H).

+ Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo P thuộc hộ cận nghèo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nhất trí với luận tội với Kiểm sát viên và không trình bày tranh luận.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, bị cáo rất ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công

an tỉnh H; Viện kiểm sát nhân dân huyện khu vực 8 - Hưng Yên; Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, những người làm chứng đã được tổng đạt Giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã thu thập đầy đủ lời khai của họ. Căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án có mặt bị cáo, vắng mặt những người làm chứng.

[2] Về căn cứ buộc tội bị cáo: Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp, thống nhất với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do Công an thị trấn H, huyện H, tỉnh Thái Bình (nay là Công an xã L, tỉnh Hưng Yên) lập hồi 13 giờ và 14 giờ 35 phút ngày 19/3/2025; Bản kết luận giám định số 262/KL-KTHS ngày 24/3/2025 của Phòng K Công an tỉnh T (nay là Công an tỉnh H)... Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 10 giờ ngày 19/3/2025, tại khu vực ngã ba Ba Hàng thuộc xã T, tỉnh Hưng Yên, bị cáo Dương Năng P đã có hành vi bán trái phép 05 túi Heroine có khối lượng 0,8288 gam cho bị cáo Trương Văn T với giá 1.500.000 đồng. Đến 13 giờ cùng ngày, tại đoạn đường thuộc địa phận tổ dân phố Đ, xã L, tỉnh Hưng Yên, bị cáo Trương Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép trên người 05 túi Heroine nêu trên với mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang. Hành vi nêu trên của bị cáo Trương Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và bị cáo Dương Năng P đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hưng Yên đã truy tố là có căn cứ, đúng người và đúng pháp luật. Điều luật quy định như sau:

Điều 249 Bộ luật Hình sự: Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, C1, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Điều 251 Bộ luật Hình sự: Tội mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

[3] Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo Dương Năng P và bị cáo Trương Văn T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và an toàn xã hội. Ma túy đã trở thành vấn nạn nhức nhối cho toàn xã hội. Bản thân người nghiện sẽ bị hủy hoại về sức khỏe, tinh thần bị rối loạn, giảm khả năng lao động, học tập, nhân cách bị tha hóa. Những gia đình có người nghiện ma túy sẽ suy kiệt về tài chính, hạnh phúc gia đình tan vỡ. Tệ nạn ma túy còn là mầm mống phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được tác hại của ma túy nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo Dương Năng P đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trương Văn T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

Hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm minh nhằm cách ly bị cáo P và bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời răn đe phòng ngừa chung, góp phần làm giảm các tội phạm về ma túy.

Hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo P và bị cáo T tại phiên tòa cho thấy bị cáo T là lao động tự do, không có thu nhập ổn định;

bị cáo P thuộc diện hộ cận nghèo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng, tài sản quản lý: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật hình sự: Đối với số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 262/K1-KTHS của Phòng K Công an tỉnh T (nay là Công an tỉnh H) là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo Dương Năng P khai mua ma túy của một người đàn ông không quen biết tại khu vực ngã ba Ba Hàng, thuộc xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên với giá 1.000.000 đồng. Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được con người cụ thể đã bán ma túy cho bị cáo P nên không có cơ sở để xử lý trong vụ án này là phù hợp.

[8] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị cáo P thuộc hộ cận nghèo được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Văn T phạm “Tội tàng trữ trái phép chất ma túy” và bị cáo Dương Năng P phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về điều khoản áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trương Văn T 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Năng P 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/3/2025.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 262/K1-KTHS của Phòng K Công an tỉnh T (nay là Công an tỉnh H).

(Các vật chứng và tài sản trên có đặc điểm mô tả như biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Hưng Yên ngày 28/8/2025.)

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Bị

cáo Trương Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Dương Năng P được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trương Văn T và bị cáo Dương Năng P có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 18/9/2025.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND khu vực 8 - Hưng Yên ;
- Trại tạm giam số 02, CA tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hưng Yên;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hưng Yên;
- Các bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND khu vực 8 - Hưng Yên ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- Chi cục THADS khu vực 8 - Hưng Yên ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Nguyệt

